

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHUYÊN TIẾP LÊN TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

(Ban hành kèm theo Quyết định số 869/QĐ-ĐHCT ngày 30 tháng 3 năm 2018
của Hiệu trưởng Trường Đại học Cần Thơ)

Ngành học: Nuôi trồng thủy sản (Aquaculture)

Mã ngành: 7620301

Hệ đào tạo: Chính quy

Thời gian đào tạo: 4 năm

Danh hiệu: Kỹ sư

Đơn vị quản lý: Bộ môn Kỹ thuật nuôi thủy sản nước ngọt, Khoa Thủy sản

1. Mục tiêu đào tạo

- a. Đào tạo kỹ sư Nuôi trồng thủy sản (NTTS) có hệ thống kiến thức khoa học cơ bản, có kiến thức chuyên môn sâu về NTTS và kỹ năng nghiệp vụ thành thạo.
- b. Có khả năng làm việc độc lập, đảm nhận trực tiếp công tác kỹ thuật và quản lý tại các cơ sở sản xuất, nghiên cứu, đào tạo có liên quan đến thủy sản.
- c. Có nhận thức chính trị và phẩm chất đạo đức tốt; có sức khỏe; tôn trọng nghề nghiệp.
- d. Có khả năng tiếp tục học tập ở các bậc học sau đại học nhằm đáp ứng nhu cầu của xã hội trong sự nghiệp phát triển khoa học công nghệ về lĩnh vực NTTS.

2. Chuẩn đầu ra

2.1 Kiến thức

2.1.1 Khối kiến thức giáo dục đại cương

- a. Hiểu biết các vấn đề cơ bản về khoa học chính trị, am hiểu pháp luật, biết phương pháp rèn luyện sức khỏe.
- b. Có hệ thống kiến thức đại cương về khoa học tự nhiên để tiếp thu các kiến thức giáo dục chuyên ngành và học tập nâng cao trình độ.

2.1.2 Khối kiến thức cơ sở ngành

Có kiến thức cơ sở ngành vững chắc về:

- a. hình thái và phương pháp phân loại thủy sinh vật.
- b. Sinh học, sinh lý và sinh thái học của thủy sinh vật.
- c. Môi trường và phân tích chất lượng môi trường ao nuôi thủy sản.
- d. Thống kê và phương pháp nghiên cứu khoa học.

2.1.3 Khối kiến thức chuyên ngành

Có kiến thức sâu về chuyên môn như:

- a. Dinh dưỡng và thức ăn động vật thủy sản.
- b. Kỹ thuật sản xuất giống và nuôi thương phẩm các loài thủy sản nước ngọt và lợ có giá trị kinh tế.
- c. Quản lý sức khỏe động vật thủy sản nuôi.
- d. Sử dụng thành thạo các trang thiết bị, quản lý và vận hành tốt cơ sở sản xuất.
- e. Đánh giá được hiệu quả sản xuất trong lĩnh vực thủy sản.

2.2 Kỹ năng

2.2.1 Kỹ năng cứng

- a. Thành thạo về kỹ thuật sản xuất giống và thực hành tốt kỹ thuật nuôi thương phẩm các loài cá tra, cá đồng, tôm sú, tôm thẻ chân trắng và tôm càng xanh.
- b. Tổ chức, quản lý và vận hành cơ sở sản xuất thủy sản như trại giống, trại nuôi thương phẩm, kinh doanh dịch vụ thủy sản; am hiểu về quản lý môi trường và sức khỏe vật nuôi.
- c. Xây dựng đề cương dự án, triển khai thực hiện các đề tài/dự án nghiên cứu khoa học; biết cách viết báo cáo.

2.2.2 Kỹ năng mềm

- Làm việc độc lập và làm việc nhóm.
- Đạt trình độ Tin học, Anh văn bằng A (hoặc tương đương) để đáp ứng yêu cầu công tác.
- Phát triển kỹ năng giao tiếp như trao đổi, chia sẻ, hợp tác với thành viên khác; duy trì quan hệ với đối tác; sử dụng thành thạo các phương tiện giao tiếp đa truyền thông khi làm việc với cộng đồng.

2.3. Thái độ

- Có ý thức trách nhiệm công dân, tuân thủ pháp luật, tích cực tham gia các hoạt động xã hội.
- Trung thực, khách quan trong nghiên cứu và ứng dụng vào thực tế, tôn trọng nghề nghiệp.
- Có tinh thần cầu tiến không ngừng học tập, hợp tác tốt với đồng nghiệp và cộng đồng.

3. Vị trí làm việc của người học sau khi tốt nghiệp

- Các cơ quan quản lý ngành thủy sản.
- Các cơ sở đào tạo và nghiên cứu về thủy sản; các dự án thủy sản trong nước và quốc tế.
- Các doanh nghiệp/cơ sở sản xuất và cung cấp dịch vụ thủy sản.
- Tự tổ chức sản xuất và kinh doanh thủy sản.

4. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường

- Có khả năng tự học tập, nghiên cứu và ứng dụng khoa học công nghệ vào thực tế sản xuất.
- Có khả năng học tập bậc sau đại học liên quan lĩnh vực thủy sản.

5. Các chương trình, tài liệu, chuẩn quốc tế mà đơn vị tham khảo

- Bộ chương trình khung giáo dục đại học ngành Nuôi trồng thủy sản khối ngành Nông Lâm Ngư nghiệp, ban hành theo thông tư số: 09/2011/TT-BGDĐT, ngày 24 tháng 02 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- Bộ tiêu chuẩn chất lượng ASEAN University Network (AUN).

6. Chương trình đào tạo

TT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH	Học phần tiên quyết
Khối kiến thức Giáo dục đại cương								
1	QP006	Giáo dục quốc phòng và An ninh 1 (*)	2	2		30		
2	QP007	Giáo dục quốc phòng và An ninh 2 (*)	2	2		30		
3	QP008	Giáo dục quốc phòng và An ninh 3 (*)	3	3		20	65	
4	QP009	Giáo dục quốc phòng và An ninh 4 (*)	1	1		10	10	
5	TC100	Giáo dục thể chất (1+2) (*)	1+1		2		60	
6	TC013	Bơi lội (*)	1	1			30	
7	XH023	Anh văn căn bản 1 (*)	4			60		
8	XH024	Anh văn căn bản 2 (*)	3			45		XH023
9	XH025	Anh văn căn bản 3 (*)	3			45		XH024
10	XH031	Anh văn tăng cường 1 (*)	4			60		XH025
11	XH032	Anh văn tăng cường 2 (*)	3			45		XH031
12	XH033	Anh văn tăng cường 3 (*)	3			45		XH032
13	XH004	Pháp văn căn bản 1 (*)	3			45		
14	XH005	Pháp văn căn bản 2 (*)	3			45		XH004
15	XH006	Pháp văn căn bản 3 (*)	4			60		XH005
16	FL004	Pháp văn tăng cường 1 (*)	3			45		XH006
17	FL005	Pháp văn tăng cường 2 (*)	3			45		FL004
18	FL006	Pháp văn tăng cường 3 (*)	4			60		FL005
19	TN033	Tin học căn bản (*)	1	1		15		
20	TN034	TT. Tin học căn bản (*)	2	2			60	
21	ML009	Những nguyên lý cơ bản của CN Mác-Lênin 1	2	2		30		
22	ML010	Những nguyên lý cơ bản của CN Mác-Lênin 2	3	3		45		ML009
23	ML006	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2		30		ML010
24	ML011	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3	3		45		ML006
25	KL001	Pháp luật đại cương	2	2		30		

